

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2022/DS-ST**

Ngày: 09/9/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay và đòi
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang
2. Ông Bùi Tuấn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 75/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:114 /2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp S, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1982.
2. Ông Trần Công Đ, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2022 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn Phục khai như sau:*

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, ông có đứng ra bảo lãnh cho con ông là Đ và H vay số tiền là 500.000.000đ tại ngân hàng Sacombank - chi nhánh Bình Đại để làm vốn nuôi heo. Tài sản bảo lãnh là thửa đất 375, tờ bản đồ số 6, tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông đứng tên quyền sử dụng đất.

Sau đó đến ngày 20 tháng 6 năm 2020 ông tiếp tục cho mượn thêm số tiền 790.000.000đ từ khoản tiền do ông vay tại Ngân hàng Agribank chi nhánh L.

Việc cho mượn tiền có làm giấy tay, theo như thỏa thuận các khoản tiền lãi hàng tháng và tiền gốc đến hạn con ông phải đưa cho ông để ông trả cho Ngân hàng.

Tuy nhiên, sau khi cho mượn tiền, do làm ăn thất bại vỡ nợ, các khoản tiền trên đến nay con ông không trả cho ông và cũng không đưa tiền cho ông trả cho Ngân hàng, các **khoản** nợ trên ông phải đứng ra trả nợ thay cho con ông.

Từ lúc cho mượn đến ngày 18/4/2022 tổng số tiền lãi của số tiền 790.000.000đ ông đã đóng lãi cho Ngân hàng thay cho con ông là: 127. 545.000đ và lãi phát sinh từ sau ngày 18/4/2022 đến ngày 25/7/2022 là 3 tháng với số tiền lãi là 10.500.000đ. Tổng cộng, lãi đến thời điểm ngày 25/7/2022 ông đóng thay cho con ông là :138.045.000đ tiền lãi.

Đối phần tiền 500.000.000đ từ lúc vay đến ngày 22/4/2022 ông trả lãi cho Ngân hàng thay cho con ông là: 82.835.000đ và lãi phát sinh sau ngày 22/4/2022 đến ngày 25/7/2022 là 3 tháng phát sinh thêm là 4.500.000 đồng. Tổng cộng, số tiền lãi tính đến ngày 25/7/2022 ông đã đóng lãi thay cho con ông là : 87.335.000.000đ.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông 02 **khoản** tiền trên. Trong đó, tiền gốc là 1.290.000đ (Một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 225.380.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng). Tổng số tiền ông yêu cầu là 1.515.380.000đ (Một tỷ năm trăm mười lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022, bị đơn bà H trình bày như sau:*

Bà thừa nhận hiện tại vợ chồng bà còn nợ ông P số tiền như đơn khởi kiện của ông P và chịu trách nhiệm trả các khoản tiền mà ông P yêu cầu.

** Theo biên bản lấy lời khai, ngày 05/7/2022, bị đơn bà Đ trình bày như sau:*

Ông và bà H là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Do cần vốn làm ăn nên vợ chồng ông có mượn của cha vợ ông là ông P số tiền 500.000.000đ đồng và đồng thời cha ông có bảo lãnh cho vợ chồng ông vay số tiền 790.000.000đ. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ, nợ nần nên từ lúc vay đến nay, tiền gốc và tiền lãi vợ chồng ông trả cho Ngân hàng, nên cha vợ ông đã trả thay cho vợ chồng ông tất cả tiền gốc lãi. Nay ông đồng ý cùng vợ ông liên đới trả cho ông P số tiền gốc và lãi như theo yêu cầu của ông P.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, **Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình 2014**

Chấp nhận yêu cầu của ông P, buộc bà H và ông Đ liên đới trả cho ông P số tiền 1.515.380.000đ (Một tỷ năm trăm mười lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông P và bà H , ông Đ tất cả có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà H, ông Đ là phù hợp với Điều 288, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa ông P và bà H, ông Đ thống nhất nhau số nợ mà vợ chồng bà H, ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền 1.515.380.000đ (Một tỷ năm trăm mười lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng). Việc thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, buộc vợ chồng bà H, ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền 1.515.380.000đ (Một tỷ năm trăm mười lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc là 1.290.000.000 đồng,

tiền lãi là 225.380.000đ là có căn cứ phù hợp Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Ngoài yêu cầu trả gốc ông P còn yêu cầu ông Đ và bà H trả tiền lãi phát sinh cho đến khi hết nợ theo như lãi suất ngân hàng mà ông đã vay. Xét thấy yêu cầu này của ông P là cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Nhận định của viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu của ông P được chấp nhận nên bà H, ông Đ phải liên đới chịu án phí với số tiền là: $1.515.380.000 \text{ đồng} = 36.000.000\text{đ} + 3\% \text{ của phần vượt } 800.000.000\text{đ} = 54.461.000.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 92, 146 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P đối với bà H và ông Đ.
 2. Buộc bà H và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền 1.515.380.000đ (Một tỷ năm trăm mười lăm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc là 1.290.000. 000 đồng, tiền lãi 225.380.000 đồng
 3. Buộc bà H, ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2022 theo lãi suất hợp đồng tính dụng số 7104- LAV- 2020. 02114 ngày 16/6/2020 và hợp đồng tính dụng số LD1930500328 ngày 01/11/2019 trên số tiền gốc cho đến khi thi hành án xong.
- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu số tiền nêu trên chưa được bà H, ông Đ thi hành thì hàng tháng bà H, ông Đ còn phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi hành án xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà H, ông Đ phải chịu án phí: 54.461.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng).

Ông P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 28.505.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006141 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Tấn Thọ

Đặng Hoàng Mích

Trần Văn Tuấn

